

Hiệp định Genève (20-7-1954) (Phần 2)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Tư: 04 Tháng 8 Năm 2010 21:14

Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương” gồm 13 điểm, trong đó quan trọng nhất là điểm 7.

IV.- BÊN TUYÊN BỐ CUỐI CÙNG KHÔNG CHỮ KÝ

Sau khi Hiệp định đình chiến giữa Việt Nam được ký kết, các phái đoàn họp tiếp ngày 21-7-1954 và “thông qua” bản “Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương”. Đây chỉ là lời tuyên bố (Déclaration) của bảy phái đoàn, có tính cách đơn thuần thông lại Việt Nam, và đặc biệt không có phái đoàn nào ký tên vào bản tuyên bố này, nghĩa là bản tuyên bố không có chữ ký.



Khi chủ trì phiên họp là Anthony Eden (ngoại trưởng Anh) hội đồng phái đoàn, thì 7 phái đoàn là Anh, Pháp, Liên Xô, CHNDTH, VNDCH, Lào và Cambodge (Cambodia) trực tiếp miêng rằng “đồng ý”.(10) Phái đoàn Hoa Kỳ và phái đoàn QGVN không đồng ý, và tiếp đó đưa ra tuyên bố riêng của mình.

Bản “Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương” gồm 13 điểm, trong đó quan trọng nhất là điểm 7. Điểm này ghi rằng:

“Hội nghị tuyên bố rằng đối với Việt Nam, việc giải quyết các vấn đề chính trị thuộc thẩm quyền của tôn trọng nguyên tắc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, sẽ phải làm cho nhân dân Việt Nam được hưởng những sự tự do căn bản, bao gồm mọi quyền tự do của dân chúng thành lập sau từng bước tự do và bất phân u kín. Để cho việc lập lại hòa bình tiến triển đến mức cần

Hiệp định Genève (20-7-1954) (Phần 2)

Tác Giả: Trăn Gia Phng

Thứ Tư: 04 Tháng 8 Năm 2010 21:14

thiết cho nhân dân Việt Nam có thể tự do bày tỏ ý nguyện, cuộc Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào tháng 7-1956 để kiểm soát của một Ban Quốc gia gồm đại biểu của hai miền có chân trong Ban Giám sát và Kiểm soát Quốc gia đã nói trong Hiệp định đình chiến chính thức. Kể từ ngày 20-7-1954 hai miền nhà nước có thể quy định trong hai vùng sẽ có những cuộc gặp gỡ để thông qua những vấn đề liên quan.” (Bản dự thảo của Thủ Nguyên, Diêm Châu, Đoàn Tng) (11a)

Điều 7 của bản Tuyên bố được xem là điểm nổi bật về mặt pháp chính trị trong toàn văn, theo đó một cuộc tổng tuyển cử sẽ có thể được tổ chức để thống nhất đất nước, mà sau này Bắc Việt đưa vào điều này để đòi hỏi Nam Việt tổ chức tổng tuyển cử trên toàn quốc.

Bắc Việt thường nói và viết rằng việc tổ chức tổng tuyển cử giữa hai miền Bắc và Nam Việt Nam là theo quy định của Hiệp định Genève. Thực ra Hiệp định Genève chỉ là một hiệp định đình chiến chính thức (đình chiến) mà không đưa ra một giải pháp chính trị nào. Giải pháp chính trị về mặt cuộc tổng tuyển cử giữa hai miền Bắc và Nam Việt Nam được tính tổ chức vào năm 1956 nằm trong điều 7 của bản “Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương”

Trong bản tuyên bố riêng của phái đoàn QGVN, bác sĩ Trần Văn Đ, trưởng phái đoàn, giải thích vì sao phái đoàn QGVN không ký kết hiệp định Genève. Sau khi phân tích việc chia cắt đất nước và việc di tản quân đội Pháp từ ý ký kết hiệp định mà không đem xấp xỉ đến quy định của quân đội Quốc gia và nhân dân Việt Nam, bản tuyên bố của phái đoàn QGVN viết:

“Vì thế cho nên chính phủ Việt Nam yêu cầu Hội nghị ghi nhận một cách chính thức rằng Việt Nam long trọng phân định cách ký kết Hiệp định cùng những điều khoản không tôn trọng nguyện vọng sâu xa của dân Việt. Chính phủ Việt Nam yêu cầu Hội nghị ghi nhận rằng Chính phủ tự dành cho mình quyền hoàn toàn tự do hành động để bảo vệ quyền thiêng liêng của dân tộc Việt Nam trong công cuộc thực hiện Thống nhất, Độc lập, và Tự do cho xứ sở.”(11b)

Vì phái đoàn QGVN không ký vào bản Hiệp định đình chiến chính thức ở Việt Nam (hiệp định Genève) và nhất là không tham gia vào bản “Tuyên bố cuối cùng”, nên chính phủ QGVN tự cho rằng không bắt buộc vào điều 7 của bản tuyên bố này.

Về phía Hoa Kỳ, trưởng phái đoàn là Bedell Smith cũng đưa ra bản tuyên ngôn ngày 21-7-1954 theo đó, tuy không ký vào hiệp định, nhưng Hoa Kỳ cam đoan không đe dọa hay dùng vũ lực

Hiệp Định Genève (20-7-1954) (Phần 2)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Tư: 04 Tháng 8 Năm 2010 21:14

đåa đßi hißp đßnh; Hoa Kß sß nghiêm xét bßt cß mßt hành vi tái gây hßn vi phạm thoß hißp trên, đe dọa hòa bình và an ninh thß gißi; Hoa Kß tôn trọng vißc thßc hißn thßng nhßt Vißt Nam bßng tßng tuyßn cß tß do đßt đßi sß giám sát cßa Lißn Hißp Qußc. Ông Bedell Smith kßt lußn:

“Chúng tôi chia sß nißm hy vßng rßng các thßa hißp nßy sß cho phép Cao Mißn, Lào và Vißt Nam nßm giß đßi vß cßa hß, trong đßc lßp hoàn toàn và chß quyßn đßy đß, gißa cßng đßng yêu chußng hoà bình cßa các qußc gia, và sß khißn cho các dân tßc ß các vùng đó có thß tß đßnh đoßt lßy tßng lai cßa mình.”(11c)

V.- VIßc THI HÀNH HIßp ĐßNH GENßVE

Hßi nghß Genève kßt thúc vßi ba văn kißn chính thßc (ngày 20-7-1954) và mßt bßn tuyên bß chung (ngày 21-7-1954) là: 1) Hißp đßnh đßnh chß chißn sß ß Vißt Nam. 2) Hißp đßnh đßnh chß chißn sß ß Lào. 3) Hißp đßnh đßnh chß chißn sß ß Cambodge (Cambodia). 4) Tuyên bß cußi cùng cßa Hßi nghß Genève 1954 vß vßn đß lßp lßi hòa bình ß Đßng Dßng.

Ngoài bßn văn kißn trên, còn có hai văn kißn do hai phái đoàn đßa ra là: 1) Tuyên ngôn cßa phái đoàn QGVN. 2) Tuyên ngôn cßa phái đoàn Hoa Kß.

Cßn chú ý hai đßi mß: Thß nhßt, Hißp đßnh đßnh chß chißn sß ß Vißt Nam tßc Hißp đßnh đßnh chß chißn Genève chß có tính cách thußn tßy quân sß, nói vß vißc rút quân, tßp trung quân, thßi hßn chuyßn quân... mà hoàn toàn không đß cßp đßn gißi pháp chính trß.

Thß hai, không có phái đoàn nào ký tên vào bßn “Tuyên bß cußi cùng cßa Hßi nghß Genève 1954 vß vßn đß lßp lßi hòa bình ß Đßng Dßng” ngày 21-7-1954. Mßt đßi u rßt lß lßng là sß vißc bßt thßng nßy, mßt văn kißn qußc tß mà không có chß ký, lßi ít đßc chú ý và ít đßc sách báo vißt đßn.(12)

Đßi u 7 cßa bßn tuyên bß nßy mß đßu bßng câu “Hßi nghß tuyên bß rßng đßi vßi Vißt Nam...” (La Conférence déclare qu'en ce qui concerne le Vietnam...), nghĩa là vß vßn đß Vißt Nam, Hßi nghß nghĩ rßng, đßa ra ý kißn rßng, hay đß kißn rßng ... mßt cußc Tßng tuyßn cß sß đßc tß chßc vào tháng 7-1956..., còn làm theo hay không làm theo, nghĩa là thi hành hay không thi

hành, là tùy các bên liên hệ. Hiệp nghị không cam kết và cũng không yêu cầu các bên liên hệ cam kết là sẽ thi hành từng quy định của nó, vì bằng chứng rõ ràng nhất là Hiệp nghị không yêu cầu bên nào ký vào bản tuyên bố này, để cam kết hay để giải quyết cam kết. Nhưng hiệp định với điều kiện chỉ ký mà còn bị vi phạm từng trường, huống gì là những bản tuyên bố không chỉ ký.

Hơn nữa, đây là một bản tuyên bố chỉ không phải là một bản hiệp định. Một bản tuyên bố chỉ không có chữ ký của bất cứ phái đoàn nào, kể cả các chính phủ liên hệ đến cuộc chiến ở Đông Dáng, có được xem là một văn kiện có giá trị pháp lý để thi hành hay không?

Vì những lý do căn bản này, bản “Tuyên bố cuối cùng của Hiệp nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dáng”, trong đó đề cập đến điều 7 của bản tuyên bố này với điều kiện một cuộc từng quy định của nó trong năm 1956, không có tính cách pháp lý để bắt buộc bất cứ nước nào thi hành. Nói cho cùng, có thể nói rằng bản tuyên bố này khá mơ hồ và không đưa ra một giải pháp chính trị cụ thể cho từng trường lại Đông Dáng sau khi hai bên đình chiến.

Tình thế của bản tuyên bố Genève ngày 21-7-1954 khiến người ta liên tưởng đến “Tội háu thá Potsdam” mà các nước Anh, Hoa Kỳ và Trung Hoa Dân Quốc (Táng Giái Thách) gọi cho Nhật Bản ngày 26-7-1945. Tội háu thá Potsdam buộc Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện và quy định rằng Dáng quân đội Trung Hoa sẽ giải giáp quân đội Nhật ở phía bắc vĩ tuyến 16, và quân đội Anh sẽ giải giáp quân đội Nhật ở phía nam vĩ tuyến 16 (ngang qua Tam Kỳ). Tuy nhiên tội háu thá này không đề cập đến việc ai sẽ cai trị Đông Dáng sau khi quân đội Nhật bị giải giáp và rút về nước, nghĩa là không đưa ra một giải pháp chính trị cho Đông Dáng.

Điều này sẽ tỏ ra một khoảng trống hành chính và chính trị ở Đông Dáng sau năm 1945 một khi những quy định trong tội háu thá Potsdam được thi hành, vì nếu Nhật đầu hàng, chính phủ Trần Trọng Kim do Nhật bảo trợ, cũng sẽ sụp đổ, thì ai sẽ là người có thẩm quyền ở Đông Dáng? Đây là thâm ý của Anh và Hoa Kỳ, cả tình bằng chứng khoảng trống chính trị để tỏ ra điều kiện cho Pháp trở lại Đông Dáng.

Nay bản “Tuyên bố cuối cùng của Hiệp nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dáng” cũng đi vào vát xe cũ, không đưa ra một giải pháp chính trị cụ thể cho từng trường lại Đông Dáng, ngoài một bản tuyên bố không có người ký. Thế đó, các bên liên hệ đến bản tuyên bố có thể tùy tiện giải thích bản tuyên bố một cách khác nhau, tùy theo chủ trương chính sách của mỗi bên, và nhất là tùy theo “lý của kẻ mạnh”.

Hiệp định Genève (20-7-1954) (Phần 2)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Tư: 04 Tháng 8 Năm 2010 21:14

Ngày trong Hội nghị Liên Châu từ ngày 3 đến ngày 5-7-1954, các CHNDTH và VNDCCH đã thỏa thuận tạm hòa hoãn tiếp tục chiến tranh. Cũng trong hội nghị Liên Châu, những nhà lãnh đạo VNDCCH đã trình bày kế hoạch hòa hoãn chiến tranh, trao đổi ngoại giao, giải quyết cùng chôn cất vũ khí tại miền Nam để chờ đợi thời cơ nổi dậy. Như thế có nghĩa là kế hoạch tạm ngưng miền Nam, vì phạm hiệp định Genève đã được phía cộng sản đồng tính trước khi ký kết hiệp định.

Cho đến nay, chúng ta có một giới thích câu hỏi nào cho biết tại sao bên “Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương”, lại không không có chữ ký của phái đoàn các nước? Phải chăng sau nhiều tháng hội họp, các phái đoàn quá mệt mỏi với những tranh cãi triền miên, nên chỉ hỏi ý kiến bên ngưng chiến cho thông qua? Hay phải chăng có một âm mưu mưu tính chuyên vớ sau, nên chỉ hỏi bên ngưng chiến bên ngưng vấn đề, nhằm dọn đường cho những tính toán chính trị tiếp sau hiệp định Genève? Và ai là người đã cho xôn xao biến pháp chính trị lập lại ngưng này? Nước nào cho xôn xao thì chúng ta biết, những chính phủ QGVN rất yêu thương, ngay từ đầu là bác bỏ việc chia cắt đất nước, phần đông hiệp định Genève, nên chúng ta thấy QGVN không phải là nước cho xôn xao.

Ngày 22-7-1954, thủ tướng chính phủ QGVN là Ngô Đình Diệm ra tuyên cáo phần đông việc chia hai nước Việt Nam. Tuy nhiên cuối cùng chính phủ QGVN vẫn chấp nhận thi hành hiệp định Genève ngày 20-7-1954, chia hai đất nước ở sông Bến Hải, vùng vĩ tuyến 17. Như thế, từ năm 1954, tại Bắc và Nam Việt Nam, có hai chính phủ riêng biệt, theo hai chính thể riêng biệt, tức có hai nước Việt Nam riêng biệt.

Thi hành hiệp định đình chiến Genève, việc ngưng bắn chính thức có hiệu lực ngày 27-7-1954 tại Bắc Việt, ngày 1-8-1954 tại Trung Việt, và ngày 11-8-1954 tại Nam Việt. Vấn đề chấp thuận của hai chính phủ là tiếp trung và di chuyển quân đội, công chức, cán bộ của mình và công dân chúng, về khu vực cai trị của mình. Điều 2 của Hiệp định Genève (20-7-1954) cho phép thủ tục hiện tại việc di chuyển các lực lượng của hai bên về vùng tiếp giáp hai bên giới tuyến tạm thời trong thời gian 300 ngày.

Ngày 9-10-1954 là hạn chót cho những người muốn di chuyển vào Nam di tản khỏi Hà Nội. Hôm sau, ngày 10-10-1954, quân đội VM vào tiếp thu Hà Nội. Chỉ tịch Ủy ban Quân quản Hà Nội của VM là Ủy viên Thường Vũ tịch Nguyễn Văn Đới, người đã cho huy động công nhân Hà Nội ngày 19-12-1946 và trở thành tổ chức đoàn đầu tiên của VM là số đoàn 308. Hội Phòng, đội tiếp trung đang bảo vệ miền Bắc muốn di chuyển bằng tàu thủy vào miền Nam, do VM tiếp thu ngày 13-5-1954. Ba ngày sau, toán lính Pháp cuối cùng rút lui khỏi đảo Cát Bà (vịnh Hạ Long, vùng Hội Phòng) ngày 16-5-1955. (Nếu tính từ ngày ngưng bắn có hiệu lực ở Bắc Việt (27-7-1954) cho đến ngày 16-5-1955 là 9 tháng 20 ngày.)

S ng i t mi n Nam t p k t ra B c không đ c th ng kê đ y đ . Theo s trình bày c a Võ Nguyên Giáp t i H i ngh Li u Châu (Qu ng Tây, Trung Hoa) t ngày 3-7-1954 gi a H Chí Minh và Châu Ân Lai, tr c khi chi n tranh k t thúc, VM đ tính b c đ u rút kho ng 60,000, trong đó 50,000 ng i là b đ i và 10,000 ng i làm công tác chính tr , nh t là nh ng ng i “đ ” quá, không th p l i. Ngoài ra, VM đ tính s l u l i mi n Nam t 5,000 đ n 10,000 ng i đ ch th i c , và vũ khí nào c t gi u đ c thì c t gi u sau khi quân đ i rút đi.(13) Theo m t tài li u khác cũng c a c ng s n, s ng i t p k t ra B c kho ng 175,000 ng i và 15,000 h c sinh.(14) S l ng n y có th đã đ c phóng đ i và không th ki m ch ng đ c.

S ng i t mi n B c di c vào mi n Nam lên đ n kho ng g n 900,000 ng i.(15) Trong s n y, nhân viên chính quy n (t c công ch c) và quân nhân chi m m t ph n ít, còn đ i đa s là dân chúng. Đây là đ t t n n c ng s n l n lao đ u tiên trong l ch s hi n đ i, cũng là đ t di dân n i đ a l n lao nh t trong l ch s n c ta.

Vài đ m đáng chú ý v cu c di c vĩ đ i c a dân chúng mi n B c vào mi n Nam nh sau:

Th nh t, s ng i ra đi đông đ o nh trên r i đ t B c có l i cho đ ng Lao Đ ng, vì nh ng thành ph n ch ng c ng, đ i l p, b t đ ng chính ki n, nh ng nhân v t theo các đ ng phái Qu c gia, đ u rút v mi n Nam, nên không còn, hay ít còn ng i l i đ i kháng v i ch đ m i ngoài B c.

Th hai, ng i Vi t Nam v n r t ràng bu c v i quê cha đ t t , mà g n m t tri u ng i đành ph i b x ra đi. Trong chi n tranh, b máy tuyên truy n c a Vi t Minh luôn luôn ca t ng ch đ c ng s n và chê bai chính th QGVN. Nay cu c di c vĩ đ i có th xem là cu c tr ng c u dân ý cho th y s ng i mi n B c ch n l a vào mi n Nam đông h n s ng i mi n Nam t p k t ra B c, ch ng t lòng dân nh th nào đ i v i ch đ c a đ ng Lao Đ ng (t c là đ ng CSVN)?

Th ba, s ch n l a n y c ng c ni m tin n i chính ph QGVN, giúp chính ph QGVN v ng tâm hành đ ng, và làm tăng giá tr c a chính th QGVN đ i v i th gi i.

Th t , ngoài nh ng cán b c ng s n đ c cài l i i mi n nam, s ng l n lút trà tr n trong dân chúng,(16) ch c ch n đ ng Lao Đ ng không b qua c h i cho đ ng viên c t cán len l i vào đoàn ng i di c vào mi n Nam đ làm tình báo, nh tr ng h p Vũ Ng c Nh ,(17) hay Vũ B ng...(18)

Hiệp định Genève (20-7-1954) (Phần 2)

Tác Giả: Tràn Gia Phụng

Thứ Tư, 04 Tháng 8 Năm 2010 21:14

Đúng một năm sau hiệp định Genève, để kiểm soát gây chiến, Phạm Văn Đồng, thủ tướng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH), tức Bộ trưởng Ngoại giao, ngày 19-7-1955 cho thủ tướng Quốc gia Việt Nam (QGVN) tức Nam Việt là Ngô Đình Diệm, yêu cầu mời hiệp định ngừng bắn từ đầu tiên ngày 20-7-1955, để bàn với việc ngừng tuyên bố ngừng nhứt định nòng theo quy định của hiệp định Genève.

Ngày 10-8-1955, thủ tướng Ngô Đình Diệm đã bác bỏ đề nghị của thủ tướng Phạm Văn Đồng, dựa vào lý do rằng chính phủ QGVN không ký vào hiệp định Genève và nhứt là vì không có bằng chứng nào cho thấy VNDCCH dứt quyết lòng từ bỏ gia lên trên quyết định Quốc gia Cộng sản.

Chính phủ QGVN đổi thành Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) vào ngày 26-10-1955. Tuy chính phủ VNCH nhieu lần từ chối, Phạm Văn Đồng vẫn nòng nhứt đề nghị nhieu năm vào các ngày 11-5-1956, 18-7-1957, và 7-3-1958 để tuyên truyền với quốc gia. Lần cuối, Ngô Đình Diệm, lúc đó là tướng trưởng VNCH, bác bỏ đề nghị trên vào ngày 26-4-1958.

Do vào sự bác bỏ của chính phủ Nam Việt, Bộ trưởng Ngoại giao chính phủ Nam Việt không tôn trọng hiệp định Genève. Trong khi đó, hiệp định Genève chỉ là một hiệp định đình chiến và đã được các phe liên hiệp tức là chính phủ VM và chính phủ QGVN thi hành xong ngay từ 1954, chia hai nòng Việt Nam thành Bộ trưởng và Nam Việt dưới sự giám sát của Ủy hội Quốc gia Kiểm soát Đình chiến, gồm một đội di chuyển các nòng Canada (Gia Nã Đệ), Poland (Ba Lan), India (Ấn Độ). Còn bản “Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 với việc đề nghị hòa bình ở Đông Dòng” không có chữ ký, thì chứng có giá trị pháp lý để thi hành. Tuy nhiên, không gây hại thì luôn luôn có lý do để gây hại.

KẾT LUẬN

Sau trận Điện Biên Phủ (7-5-1954), khi Pháp quyết định rời bỏ miền Việt Nam, các công quốc trên thế giới, Quốc gia Cộng Sản cũng như Quốc gia Tự do, đều muốn làm nòng can thiệp, và áp đặt một giới pháp chính trị theo quyết định của họ, nhưng các phe phái ở Việt Nam phải thi hành.

Để bảo đảm an toàn, Pháp thả mìn nhòng đòi hỏi với phía khách công sản, thả hiệp với công sản chia hai nòng Việt Nam và ấn định nhòng nhòng tuyên bố năm 1956, mà không công nhận xòng a định ý nguyện của chính phủ QGVN. Pháp quyết ký hiệp định Genève (20-7-1954), để vĩnh viễn rút quân ra khỏi ba nòng Đông Dòng, không còn liên hệ gì đến Việt Nam. Nhờ thế, Pháp

Hiệp định Genève (20-7-1954) (Phần 2)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Tư: 04 Tháng 8 Năm 2010 21:14

đưa vào tất cả cách nào để quân đội nhả ch tay ng tuy n c vào năm 1956 và t tay ng lai chính tr n c Vi t Nam? L ch tay ng tuy n c n y l i không đ c các phái đoàn tham đ ký k t đ b o đ m thi hành. Kinh nghi m l ch s cho th y c ng s n luôn luôn ký k t hi p c đ làm k hoãn binh và không bao gi tôn tr tay ng hi p c đã ký k t, hu ng gì là nh ng văn b n không có ch ký nh b n “Tuyên b cu i cùng c a H i ngh Genève 1954 và v n đ l p l i hòa bình ở Đông D ng” ngày 21-7-1954.

C n chú đ m ch t: Khi Mao Tr ch Đông chi m l c đ a Trung Qu c, các c tay ng qu c Tây ph tay ng không công nh n CHNDTQ và không cho CHNDTQ thay th Trung Hoa Dân Qu c t i Liên Hi p Qu c. Nh chi n tranh Vi t Nam, Trung Qu c đ c các c tay ng qu c m i h p H i ngh Genève. Nghĩa là Trung Qu c đ c ng i ngang hàng v i các c tay ng qu c Tây ph tay ng nh chi n tranh Vi t Nam, nh x tay ng máu c a dân t c Vi t Nam. (Vi c n y tái đ n trong chi n tranh 1960-1975, vì do cu c chi n n y, Nixon qua B c Kinh dân x p v i Mao Tr ch Đông và Châu Ân Lai. Sau đó, Hoa K m c a cho Trung Qu c c ng s n vào LHQ.)

Chính ph QGVN non tr , b đ ng theo chính sách c a Pháp, là chuy n đành ph i ch p nh n. VNDCCH (VM), đ u đã l i đ ng và s đ ng x tay ng máu ng i Vi t đ chi n đ u, và t cho r ng đã chi n th ng đ qu c Pháp, cũng không th c tay ng ch ng l i nh ng ý đ c a Liên Xô và CHNDTQ.

Nói cách khác, ng i Vi t c hai phía nói chung, hoàn toàn không th t quy t đ nh t tay ng lai c a chính mình, mà ph i b đ ng tr c nh ng áp đ t c a ngo i bang, dù đó là ngo i bang t b n hay ngo i bang c ng s n. B t c m t ngo i bang nào đ n v i Vi t Nam cũng đ u vì quy n l i riêng t c a h , ch ch tay ng ph i vì yêu th tay ng hay giúp đ n c Vi t Nam. Ch tay ng bao gi có tình nghĩa xã h i ch nghĩa hay tình nghĩa t b n ch nghĩa. Ch có “quy n l i ch nghĩa” gi a các n c mà thôi.

Đ t n c b chia hai, dân t c b chia hai, nh ng Hi p đ nh Genève ch là m t hi p đ nh “đình chi n”, t c m i ch tay ng tay đánh nhau, ch ch a ph i là hi p c hòa bình. Sau chín năm chi n tranh tri n miên (1946-1954), dân chúng Vi t Nam r t khao khát hòa bình, nh ng gi c m hòa bình v n còn ngoài t m tay c a ng i Vi t. Lòng dân mu n hòa bình, nh ng nh ng k ch tay ng đ c tài luôn luôn mu n tóm thâu quy n l c, luôn luôn mu n xâm l n đ toàn tr . Và nh th , v n n c ch a h t n i trôi, ng i Vi t s v n còn ti p t c th ng kh ... (Trích Vi t s đ i c tay ng t p 5.)

TRáN GIA PHáNG

(Toronto, 19-7-2010)

CHÚ THÍCH

10. Hoàng C Th y, Vi t s kh o lu n, cu n 5, Paris: Nam Á 2002, tr. 2642. Trong sách Th Nguyên, Di m Châu, Đoàn T ng, sđd. tr. 54, đăng bài d ch c a b n “Tuyên b ” n y, nh ng phía d i không có tên ng i ký. Tài li u Pentagon Papers cũng không có tên ai ký d i b n tuyên b .

11. Th Nguyên, Di m Châu, Đoàn T ng, sđd. tr. 53 (11a), tr. 56 (11b), tr. 58 (11c). Nguyên văn ti ng Pháp đ u 7 nh sau: “La Conférence déclare qu’en ce qui concerne le Vietnam, le règlement des problèmes politiques, mis en oeuvre sur la base du respect des principes de l’indépendance, de l’unité et de l’intégrité territoriales, devra permettre au peuple vietnamien de jouir des libertés fondamentales, garanties par des institutions démocratiques formées à la suite d’élections générales libres au scrutin secret. Afin que le rétablissement de la paix ait fait des progrès suffisants et que soient réunies toutes les conditions nécessaires pour permettre la libre expression de la volonté nationale, les élections générales auront lieu en juillet 1956, sous le contrôle d’une commission internationale composée de représentants des Etats membres de la Commission internationale pour la surveillance et le contrôle visée à l’accord sur la cessation des hostilités. Des consultations auront lieu à ce sujet entre les autorités représentatives compétentes des deux zones à partir du 20 juillet 1955. (http://www.ena.lu/conference_geneve_20_21_juillet_1954-010703174.html). Có th xem thêm b n ti ng d ch Anh: Gravel (ed.), Pentagon Papers, Vol. 1, pp. 279-282.

12. Ngày nay, vào Google.com, tìm “Déclaration finale de Genève en 1954”, thì có ghi rõ câu n y ngay t ti u m c c a các bài vi t: “Une déclaration finale en treize points, non signée par les participants. . “ [Một b n tuyên b cu i cùng g m 13 đ i m, không ch ký c a nh ng ng i tham d ..]

13. Ti n Giang, Chu Ân Lai d Nh t-N i-Ngĩa h i ngh [Chu Ân lai và H i ngh Genève], B c Kinh: Trung C ng đ ng s xu t b n xã, 2005, b n d ch c a D ng Danh Dy, t a đ Vai trò c a Chu Ân Lai t i Genève năm 1954, ch ng 27, “H i ngh Li u Châu then ch t”. (diendan@diendan.org . orgdiendan@diendan.org

. org This e-mail address is being protected from spambots. You need JavaScript enabled to view it) (trích ngày 1-2-2009.) Xem thêm Th K 21, s tháng 8-2007, tr. 29. Ông Nguy n Văn Tr n, trong sách Vi t cho M & Qu c h i, Nxb. Văn Ngh , California, 1995, có đ c p đ n v n đ ng i mi n Nam t p k t ra B c, nh ng cũng không cho bi t c th s l ng ng i t p k t là bao nhiêu?

14. Đ ng Phong ch biên, L ch s kinh t Vi t Nam 1945-2000, t p II 1955-1975, Hà N i: Nxb. Khoa H c Xã H i, 2005, tr. 45.

15. Theo Đoàn Thêm, đ n ngày 30-10-1955 là ngày chính th c ch m d t cu c di c , s l ng ng i di c t n n là 887,890 ng i. (Đoàn Thêm, sđd. tr. 195.) Th c t ngoài còn cao h n nhi u.

16. Đi n hình là Lê Du n, bí th X u Nam b , i i mi n Nam đ n 1957 m i ra B c. (V sau, ng i ta m i bi t đi u n y.) (Chính Đ o, Vi t Nam niên bi u, t p I-C: 1955-1963, Houston, Nxb. Văn Hóa, 2000, tr. 17.)

17. Vũ Ng c Nh : Khi di c vào Nam năm 1954, Vũ Ng c Nh làm giám th t i m t tr ng h c do linh m c Hoàng Qu nh ph trách. Nh linh m c Hoàng Qu nh gi i thi u, Vũ Ng c Nh đ n đ n đ c đ a vào làm vi c ph t ng th ng d i th i Đ nh t C ng Hòa. Vũ Ng c Nh b nghi ng , b b t m t th i gian, nh ng không có b ng ch ng c th nên đ c th ra. Qua th i Đ nh t C ng Hòa, Vũ Ng c Nh ti p t c ho t đ ng, và b b t tr l i vào ngày 28-7-1969 vì i làm gián đ p trong c m tình báo chi n l c A 22 c a c ng s n.

18. Vũ B ng (1914-1984), tên th t là Vũ Đ ang B ng, còn có nh ng bút danh khác là Tiêu Liêu, Lê Tâm, Vũ T ng Khanh, Hoàng Th Trâm, nguyên quán t nh H i D ng, là m t nhà báo khá n i ti ng Hà N i tr c năm 1954 và Sài Gòn sau 1954. Đ c bi t, theo ti t l c a báo chí Hà N i (báo Nhân Dân ngày 9-3-2000, báo An Ninh Th Gi i s 172, ngày 13-4-2000), Vũ B ng ho t đ ng cho C c tình báo chi n l c quân s c a c ng s n t năm 1952. Năm 1954, Vũ B ng di c vào Sài Gòn ti p t c ho t đ ng v i t cách là c s khai thác tin t c ph c v tình báo cho đ n 30-4-1975. Tác ph m đ i: L v n (1936), M t mình trong đêm t i (1937), Truy n hai ng i (1940), T i ác và h i h n (1940), Đ cho chàng kh i kh (1941), Cai (1948), Ăn t t th y tiên (1956), Kh o v ti u thuy t (1960), B n m i năm nói láo (1969), Món l mi n Nam (1970), Cái l ng đèn (1971), Nhà văn l m chuy n (1971), Nh ng cây c i ti n chi n (1971), Nói có sách (1972), Th ng nh m i hai (1972), và m t s sách đ ch.